

Số:09/2019/QĐST- DS

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2919/TLST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Phan Văn N, sinh năm 1957. Địa chỉ: 1485 BĐ, khu phố 3, phường P T, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Phan Ngọc H, sinh năm 1959. Địa chỉ: 1479 BĐ, khu phố 3, phường P T, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn.

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959. Địa chỉ: 1480 BĐ, khu phố 3, phường P T, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1962. Địa chỉ: 1485 BĐ, khu phố 3, phường P T, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1957. Địa chỉ: 1480 BĐ, khu phố 3, phường P T, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Do nhà đất của ông N, bà L và nhà đất của bà H liền kề phía trong thửa đất số 66 tờ bản đồ số 2 khu phố 3 phường P T, thành phố BR của ông C, bà H1 không có lối đi nào khác ngoài lối đi qua thửa đất của ông C, bà H1, nên ông C bà H1 đồng ý mở một lối đi 15,6m², chiều rộng phía trong 1,91m phía ngoài 1,83m, chiều dài một cạnh là 8,23m một cạnh 8,50m, độ cao tính từ cốt nền đường lên 4,5m, qua thửa đất của ông C bà H1 (có sơ đồ vị trí do Trung tâm đo đạc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

lập ngày 04/9/2019 kèm theo) cho nhà đất của ông N, bà L và nhà đất bà H đi qua.

2.2 Ông N, bà L và bà H có nghĩa vụ bồi thường cho ông C bà H1 40.000.000đ (ông N, bà L 20.000.000đ, bà H 20.000.000đ).

2.3 Trường hợp các hộ dân khác (trừ chủ sử dụng thửa đất số 66 tờ bản đồ số 2 của ông C, bà H1) có bất động sản liền kề phía trong muốn đi qua phải được sự đồng ý của các chủ sở hữu nhà đất của ông N, bà L và chủ sở hữu nhà đất của bà H.

2.4 Về chi phí đo vẽ, định giá: Mỗi người chịu 1.425.000đ, ông N, bà H, ông C đã nộp đủ.

2.5 Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Căn cứ Quyết định này, ông C, bà H1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký đất đai lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh BR-VT;
- THA dân sự tỉnh BR-VT
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Sử